

Bản án số: 78/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 24/6/2024.

“V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG

* Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Thạch Viết Tâm.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1) Bà Nguyễn Thị Tú Trinh.

2) Bà Huỳnh Khiết Như.

* Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Quách Văn Diễn, Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện Kế Sách.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Lâm Bích Ngọc, Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng, mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 122/2024/TLST-HNGĐ, ngày 9 tháng 5 năm 2024 về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 186/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 7/6/2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: **Phạm Thị Thúy D**, sinh năm 1997

Địa chỉ: **ấp B, xã Đ, huyện K, tỉnh Sóc Trăng** (vắng mặt).

- *Bị đơn*: **Lê Thanh H**, sinh năm 1995

Địa chỉ: **ấp B, xã Đ, huyện K, tỉnh Sóc Trăng** (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 9/4/2024, nguyên đơn **chị Phạm Thị Thúy D** trình bày: **Chị và anh Lê Thanh H có tổ chức đám cưới vào năm 2018 và được Ủy ban nhân dân xã H, thị xã N (nay thành phố N), tỉnh Hậu Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 29/01/2018. Trong quá trình chung sống hai vợ chồng có 01 con chung là cháu Lê Phạm Lan A, sinh ngày 09/5/2018, do anh H đang nuôi dưỡng. Trong thời gian đầu hai vợ chồng sống rất hạnh phúc, một thời gian sau bắt đầu mâu thuẫn, không còn hợp nhau, không thể sống chung được, nhiều lần cố gắng hàn gắn nhưng không có kết quả nên đã ly thân cho đến nay. Nhận thấy**

đời sống hôn nhân giữa chị và anh **H** không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Kế Sách giải quyết được ly hôn với anh **H**; chị đồng ý giao cho anh **H** tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con; về tài sản, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh **Lê Thanh H** trình bày: Anh thống nhất với lời trình bày của chị **D** về hôn nhân, con chung, tài sản và nợ chung. Nay anh đồng ý ly hôn với chị **D** và nuôi con chung, không yêu cầu chị **D** cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu giải quyết.

- Vị đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Thâm phán tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của pháp luật, việc xác định tư cách tham gia tố tụng của đương sự và quan hệ pháp luật đang tranh chấp là chính xác, tại phiên tòa Hội đồng xét xử đúng thành phần. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị **D** được ly hôn với anh **H**; giao con chung cho anh **H** nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, chị **D** không phải cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung và nợ chung các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn chị **Phạm Thị Thúy D** có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, anh **H** và đại diện Viện kiểm sát đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt chị **D**. Tòa án căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[2] Theo các tài liệu có trong hồ sơ và lời trình bày của các đương sự, chị **D** và anh **H** sau khi quen biết, có tình cảm với nhau thì đến năm 2018 được gia đình tổ chức đám cưới, anh chị đi đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã **H**, thị xã **N** (nay thành phố **N**), tỉnh **Hậu Giang** cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định của pháp luật cho nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị có thời gian chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên, gần đây anh chị thường xuyên cãi vã do bất đồng quan điểm, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, anh chị cố gắng hòa giải nhiều lần nhưng không được nên đã sống ly thân. Nay chị **D** xin ly hôn với anh **H**. Anh **H** đồng ý ly hôn với chị **D**. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 39 Bộ luật Dân sự năm 2015, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, ghi nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa chị **D** và anh **H**.

[3] Về con chung: Chị **D** và anh **H** có 01 con chung là cháu **Lê Phạm Lan A**, sinh ngày 09/5/2018, hiện con đang sống chung với anh **H**. Chị **D** đồng ý giao cháu **Lan A** cho anh **H** tiếp tục nuôi dưỡng. Anh **H** đồng ý. Để cháu **Lan A** ổn định tâm lý và môi trường sống, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, giao cháu **Lan A** cho anh **H** tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị **D** không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con do anh **H** không yêu cầu.

[5] Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho chị **D**, không ai được quyền ngăn cản.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Chị **D**, anh **H** không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí: Chị **D** và anh **H** mỗi người phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 75.000 đồng theo hướng dẫn tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[8] Như đã nhận định nêu trên, đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 39 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/. Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị **Phạm Thị Thúy D** với anh **Lê Thanh H**.

2/. Về con chung: Giao cháu **Lê Phạm Lan A**, sinh ngày 09/5/2018 cho anh **Lê Thanh H** trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi.

3/. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị **Phạm Thị Thúy D** không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

4/. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho chị **Phạm Thị Thúy D**, không ai được quyền ngăn cản.

5/. Về tài sản chung và nợ chung: Chị **Phạm Thị Thúy D** và anh **Lê Thanh H** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

6/. Về án phí: Chị **Phạm Thị Thúy D** và anh **Lê Thanh H** mỗi người phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 75.000 đồng. Chị **D** được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai số 0003785, ngày 9/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng. Chị **D** được nhận lại tiền tạm ứng án phí 225.000 đồng.

7/. Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo được tính

kể từ ngày nhận được hoặc ngày niêm yết bản án, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

8/. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Kế Sách;
- THADS huyện Kế Sách;
- UBND xã H, thành phố N, HG;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Thạch Viết Tâm